**ÔN LUYỆN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I- ĐỀ 1**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*Trâu ơi ta bảo trâu này*

*Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta*

*Cấy cày vốn nghiệp nông gia*

*Ta đây trâu đấy ai mà quản công*

*Bao giờ cây lúa còn bông*

*Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.*

*(Ca dao)*

**Thực hiện các yêu cầu:**

**Câu 1**. Bàica dao trên được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ bốn chữ. B. Thơ năm chữ C. Thơ lục bát D. Thơ lục bát biến thể.

**Câu 2**. Cách ngắt nhịp trong câu: “ *Trâu ơi ta bảo trâu này*” là:

A. Nhịp 3/3. B. Nhịp 2/2/2.

C. Nhịp 2/4 C. Nhịp 1/2/3.

**Câu 3.** Điền tiếng thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh cặp câu lục bát:

“*Bao giờ cây lúa còn bông*

*Thì còn ngọn cỏ ngoài …… trâu ăn*”*.*

A. Công. B. Đồng. C. Nông. C. Ruộng.

**Câu 4**. Từ ngữ nào thể hiện rõ nhất tình cảm của người nông dân đối với con trâu?

A. Trâu ơi, trâu nảy. B. Trâu đấy. C. Trâu cày. D. Trâu ăn.

**Câu 5**. Tại sao con trâu được xem là bạn của người nông dân?

A. Vì trâu chí tính, chí nghĩa

B. Vì trâu là vốn của cải của người nông dân.

C. Vì con trâu là đầu cơ nghiệp.

D. Vì từ xưa hình ảnh trâu cày luôn gắn bó với người nông dân.

**Câu 6**. Nêu chủ đề của bài ca dao trên?

A. Nói về con trâu với người nông dân cùng nhau ra đồng.

B. Nói về con trâu với người nông dân đều không sợ lao động.

C. Nói về con trâu với người nông dân đều lao động vất vả, mệt nhọc.

D. Chủ đề của bài ca dao trên ca ngợi sự gắn bó, gần gũi giữa trâu và người nông dân trong cuộc sống và trong lao động.

**Câu 7**: Trong bài ca dao, người nông dân nói với trâu điều gì ?

A. Cấy cày vốn nghiệp nông gia B. Ta đây trâu đấy ai mà quản công

C. Bao giờ cây lúa cỏn bông D. Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

**Câu 8**. Câu: “*Trâu ơi ta bảo trâu này*” sử dụng phép tu từ nào?

A. So sánh. B. Hoán dụ C. Điệp ngữ. D. Nhân hóa.

**Câu 9**. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc bài ca dao trên.

**Câu 10**. Em có nhận xét gì cách gieo vần, nhịp trong bài ca dao trên?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Em hãy viết bài văn kể lại một trải nghiệm thực của mình về một chuyến đi.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học.  - Lí giải được lí do nêu bài học ấy. | 1,0 |
|  | **10** | - Nhận xét cách gieo vần: Tiếng thứ sáu câu lục vần với tiếng thứ sáu của câu bát. Tiếng thứ tám của dòng bát vần với tiếng thứ sáu của dòng lục tiếp theo.  - Cách ngắt nhịp: nhịp chẵn 2/2/2, 4/4. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Kể* về một chuyến đi | 0,25 |
|  | *c. Kể lại* về một chuyến đi  HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được về một chuyến đi.  - Các sự kiện chính trong một chuyến đi: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Cảm xúc sau một chuyến đi. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |